

MUA - Giá mục tiêu 1 năm: 85.500 Đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 07/09/2022): 63.700 Đồng/cp

Nguyễn Hoàng Giang, CFA

giangnh@ssi.com.vn

+84 – 24 3936 6321 ext. 8703

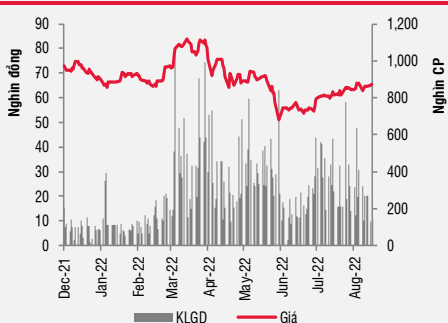
Ngày 08/09/2022

NGÀNH LOGISTICS

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	288,3
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	6.783,1
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	104
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	86,6/ 50,5
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	325.465,5
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	0,84
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	19,7
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	21,0
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	48,8

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

VTP thành lập vào năm 2006 với tư cách là một công ty trách nhiệm hữu hạn thuộc Tập đoàn Viettel. Công ty chuyên về dịch vụ bưu chính truyền thông trước khi đổi thành Công ty Cổ phần thông qua IPO vào năm 2009. Màng kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh, phục vụ nhu cầu của các nhà bán lẻ theo mô hình B2C và C2C. Mạng lưới của công ty bao gồm hơn 2.000 cửa hàng Viettel Post trên 63 tỉnh, cùng với 6 trung tâm logistic đặt tại các thành phố lớn. Bên cạnh đó, VTP có 2 công ty con tại Myanmar và Campuchia, hoạt động như các chi nhánh tại các quốc gia này.

Cập nhật KQKD 6 tháng đầu năm 2022 – Thời điểm bước ngoặt

L luận điểm đầu tư

Chúng tôi nâng khuyến nghị cổ phiếu VTP từ TRUNG LẬP lên MUA, do chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu 1 năm lên 85.500 đồng/cổ phiếu (tăng 14%) - tương ứng với tiềm năng tăng giá là 35%. VTP đang giao dịch với P/E chiết khấu 33% so với các công ty cùng ngành trong khu vực.

Dưới đây là những lý do chúng tôi nâng khuyến nghị cho cổ phiếu VTP

- Phí giao hàng tăng 10~15%, đây là tín hiệu cho thấy cạnh tranh trên thị trường đã bớt gay gắt
- Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ từ mức đáy, cho thấy khả năng kiểm soát chi phí tốt hơn của đội ngũ quản lý mới
- Nỗ lực cải tiến chất lượng có thể sẽ giúp lấy lại thị phần
- Lợi nhuận dự kiến tăng trưởng mạnh trong năm 2022-2023

Rủi ro đối với khuyến nghị của chúng tôi: Cạnh tranh vẫn gay gắt như dự đoán, hoặc mức độ cải tiến dịch vụ không đủ để lấy lại thị phần.

(tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	4.032	4.922	7.812	17.234	21.452	24.707	28.308
Tăng trưởng doanh thu thuần		22,1%	58,7%	120,6%	24,5%	15,2%	14,6%
Lợi nhuận gộp	345	547	775	699	600	852	1.135
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,6%	11,1%	9,9%	4,1%	2,8%	3,4%	4,0%
Doanh thu tài chính	21	49	94	99	94	112	121
Chi phí tài chính	-3	-19	-49	-54	-48	-53	-76
Chi phí bán hàng và quản lý	-151	-230	-334	-269	-281	-315	-409
Thu nhập ròng khác	1	3	-9	6	6	0	0
LNTT	214	350	477	480	371	595	770
Tăng trưởng LNTT		63,9%	36,3%	0,6%	-22,8%	60,7%	29,4%
Lợi nhuận ròng	170	279	380	383	296	476	616
Tăng trưởng lợi nhuận ròng		64,1%	36,2%	0,8%	-22,8%	61,0%	29,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4,2%	5,7%	4,9%	2,2%	1,4%	1,9%	2,2%
EPS (VND)	2.906	3.140	5.718	4.060	2.462	3.955	5.117

Nguồn: SSI Research

Quan điểm ngắn hạn

Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng KQKD quý 3/2022 và quý 4/2022 sẽ đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước cũng như so với quý trước, điều này sẽ đóng vai trò là chất xúc tác cho giá cổ phiếu.

KQKD 6 tháng đầu năm 2022

(tỷ đồng)	6T2022	6T2021	So với cùng kỳ	Hoàn thành kế hoạch năm	TSLN		
					6T2022	6 T2021	Năm 2021
Doanh thu thuần	11.232	10.351	8,5%	44%			
Lợi nhuận gộp	391	387	0,9%		3,5%	3,7%	2,8%
Lợi nhuận từ HĐKD	228	37	514,0%		2,0%	0,4%	1,5%
EBIT	278	293	-5,2%		2,5%	2,8%	1,9%
EBITDA	320	336	-4,6%		2,8%	3,2%	2,4%
LNTT	250	269	-7,0%	40%	2,2%	2,6%	1,7%
Lợi nhuận ròng	200	215	-6,9%		1,8%	2,1%	1,4%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	200	215	-6,9%		1,8%	2,1%	1,4%

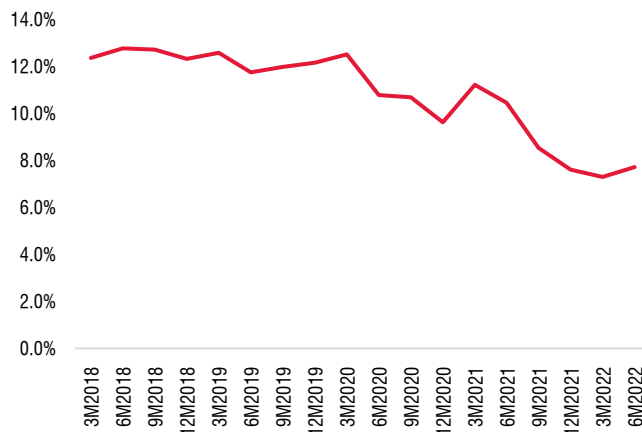
Nguồn: SSI Research

Quý 2/2022 là quý thứ 4 liên tiếp Viettel Post ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận âm, cụ thể lợi nhuận giảm 9% so với cùng kỳ. Điều này dẫn đến lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022 của VTP giảm 7% so với cùng kỳ xuống 250 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 40% kế hoạch năm 2022. Kết quả này nằm trong dự báo của chúng tôi, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

Nhìn vào mảng kinh doanh cốt lõi của VTP, dịch vụ chuyển phát nhanh, chúng tôi nhận thấy doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 35% so với cùng kỳ, đạt 4,6 nghìn tỷ đồng do thị trường thương mại điện tử Việt Nam liên tục tăng trưởng. Thị trường thương mại điện tử của Việt Nam được Google dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR là 29% trong giai đoạn 2022~2025. Sau thời kỳ bùng phát đại dịch, Google ước tính thị trường Việt Nam đã có gần 8 triệu khách hàng thương mại điện tử mới, trong đó 97% vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ sau đại dịch. Nhìn ra các thị trường trong khu vực, tên tuổi thương mại điện tử lớn như tập đoàn SEA (công ty mẹ của Shopee) cũng báo cáo mức tăng trưởng đơn hàng đáng kể 37% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2022.

Như đồ thị bên dưới, tỷ suất lợi nhuận gộp hiện tại thấp hơn so với mức cao trước đó là 12%. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp đã cho thấy sự cải thiện nhẹ, với mức tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý 1/2022, lên 7,7%. Đây là lần đầu tiên tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên trong 3 quý vừa qua. Kết quả này vượt quá kỳ vọng, trong bối cảnh vẫn còn những lo ngại về cạnh tranh khốc liệt và chi phí nhiên liệu cao hơn. Đây là một dấu hiệu rất tích cực trong bối cảnh VTP đang tái cấu trúc bộ máy quản lý.

Biên lợi nhuận gộp của dịch vụ chuyển phát VTP theo quý



Nguồn: SSI Research

Lợi nhuận gộp của hoạt động thương mại tăng hơn 2 lần, lên 49 tỷ đồng, giúp tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện từ 0,3% trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 0,7% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Trong khi lợi nhuận gộp gần như đi ngang trong 6 tháng đầu năm 2022, chi phí bán hàng và quản lý tăng lên. Chi phí bán hàng và quản lý tăng 15% so với cùng kỳ, do chi phí thuê ngoài và chi phí nhân công cao hơn.

Tăng phí chuyển phát nhanh và một số hàm ý

Từ tháng 9/2022, VTP áp dụng biểu giá mới cho dịch vụ chuyển phát nhanh. Ví dụ, một gói bưu kiện có trọng lượng 500 gam nếu gửi dịch vụ vận chuyển nội thành sẽ có mức phí mới là 21.000 đồng/gói (so với biểu phí trước đây là 16.000 đồng). Đây là mức giá trước khi có bất kỳ khoản chiết khấu nào dành cho khách hàng kí hợp đồng dài hạn, vì vậy chúng tôi ước tính biểu giá mới có mức tăng trung bình khoảng 10~15% so với biểu giá trước đó.

Theo chúng tôi, việc tăng mức phí chuyển phát gần đây là một tín hiệu khác cho thấy sự thay đổi bản chất cạnh tranh của ngành. Trong hai năm qua, nhiều công ty như BEST Express, J&T, và một số công ty khác, đã ra sức cạnh tranh bằng giá để giành thêm thị phần. Chiến lược này được hỗ trợ bởi giai đoạn lãi suất thấp, nhưng hiện nay lãi suất đang có xu hướng tăng lên. Do đó, áp lực về giá sẽ giảm đi đáng kể, vì thị trường có thể tập trung vào khả năng sinh lời hơn là tăng thị phần trong môi trường lãi suất cao hơn.

Hàm ý của diễn biến trên là giá thị trường sẽ ổn định và tỷ suất lợi nhuận sẽ cải thiện cho tất cả các doanh nghiệp tham gia thị trường. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ doanh thu trên GMV (tổng giá trị hàng hóa) của dịch vụ chuyển phát nhanh trong thị trường chuyển phát Việt Nam sẽ cải thiện 0,5% mỗi năm vào năm 2022 và năm 2023, đạt 10% trong năm 2023.

Thay đổi bộ máy quản lý và tái cấu trúc nội bộ

Sau cuộc trao đổi mới nhất của chúng tôi với Ban lãnh đạo vào tháng 5/2022, một số thay đổi đã xảy ra, cụ thể như sau:

- Cải tiến chất lượng: Thời gian giao hàng tổng thể cải thiện từ 100 giờ/hóa đơn xuống còn 50 giờ/hóa đơn. Thời gian giao hàng chặng cuối giảm từ 17 giờ trong năm 2021 xuống còn 10 giờ vào thời điểm hiện tại.
- Thời gian phục vụ: bắt đầu cung cấp dịch vụ giao hàng cả thứ 7 và chủ nhật
- Kiểm soát chi phí: Chi phí được quản lý ở cấp bưu cục, với mục tiêu là chi phí phù hợp với doanh thu tại mỗi bưu cục. Chi phí mid-mile có thể giảm xuống nhờ các biện pháp tối ưu hóa.
- Xử lý khiếu nại: Thành lập bộ phận xử lý khiếu nại, trọng tâm chính trong hoạt động của Ban lãnh đạo mới
- Đội giao hàng chặng cuối: Thay đổi từ sử dụng dịch vụ MyGo (giống Grab) sang dịch vụ thuê ngoài chuyên biệt để cải thiện chất lượng giao hàng chặng cuối. Vì MyGo là nền tảng cho phép mọi tài xế tự do tham gia và giao hàng bất cứ lúc nào mà không cần phải là nhân viên của Viettel Post, nên phương thức này sẽ bị hạn chế về quyền kiểm soát đối với cách tài xế giao tiếp hoặc giao hàng cho người nhận cuối.

Theo chúng tôi, đây là những thay đổi rất cần thiết để nâng cao chất lượng dịch vụ của VTP và giành lại thị phần đã mất. Trong hai năm qua, VTP đã mất 5% thị phần, hiện chỉ nắm giữ 17% thị phần.

Với những thông tin như trên, chúng tôi đã điều chỉnh ước tính đối với VTP như sau

- Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng chuyển phát: đạt 8% vào năm 2022 và 8,3% vào năm 2023 (điều chỉnh tăng từ mức 7,5%)

- Tỷ lệ doanh thu chuyển phát trên GMV: đạt 9,5% vào năm 2022 và 10% vào năm 2023 (điều chỉnh tăng từ mức 9%)

	2018	2020	2021	2022	2023
Quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam (tỷ USD)	8	15	20	25	31
Tỷ lệ tăng trưởng (%)	29,0%	40,0%	40,0%	25,0%	20,0%
Tỷ lệ doanh thu chuyển phát trên tổng giá trị hàng hóa	10%	10%	9%	9,5%	10%
Doanh thu chuyển phát ước tính tại Việt Nam	0,80	1,46	1,83	2,42	3,06
Tỷ lệ tăng trưởng (%)	43,4%	27,3%	26,0%	31,9%	26,3%
Thị phần của VTP (%)	23%	18%	17%	17%	17%
Doanh thu chuyển phát của VTP (tỷ USD)	0,18	0,26	0,31	0,41	0,52
Bằng VND	4.232	6.028	7.173	9.835	12.796

Nguồn: SSI Research

Chúng tôi điều chỉnh ước tính cho năm 2022 và 2023 như sau:

(tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	4.032	4.922	7.812	17.234	21.452	24.707	28.308
Tăng trưởng doanh thu thuần		22,1%	58,7%	120,6%	24,5%	15,2%	14,6%
Lợi nhuận gộp	345	547	775	699	600	852	1.135
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,6%	11,1%	9,9%	4,1%	2,8%	3,4%	4,0%
Doanh thu tài chính	21	49	94	99	94	112	121
Chi phí tài chính	-3	-19	-49	-54	-48	-53	-76
Chi phí bán hàng và quản lý	-151	-230	-334	-269	-281	-315	-409
Thu nhập ròng khác	1	3	-9	6	6	0	0
LNTT	214	350	477	480	371	595	770
Tăng trưởng LNTT		63,9%	36,3%	0,6%	-22,8%	60,7%	29,4%
Lợi nhuận ròng	170	279	380	383	296	476	616
Tăng trưởng lợi nhuận ròng		64,1%	36,2%	0,8%	-22,8%	61,0%	29,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4,2%	5,7%	4,9%	2,2%	1,4%	1,9%	2,2%
EPS (VND)	2.906	3.140	5.718	4.060	2.462	3.955	5.117

Nguồn: SSI Research

Chúng tôi tăng dự báo LNTT năm 2022 và 2023 của VTP lần lượt lên 595 tỷ đồng (tăng 61% so với cùng kỳ) và 771 tỷ đồng (tăng 29,6% so với cùng kỳ), cao hơn dự báo trước đó của chúng tôi lần lượt là 20% và 30%, do chúng tôi kỳ vọng sẽ có sự cải thiện trong điều kiện kinh doanh của ngành, cũng như tỷ suất lợi nhuận và thị phần của công ty trong thời gian tới.

Niêm yết trên sàn HOSE

Công ty dự kiến niêm yết trên sàn HOSE trong năm 2022. Ban lãnh đạo dự kiến việc niêm yết sẽ được thực hiện vào cuối năm 2022 hoặc vào quý 1/2023. Chúng tôi nhận thấy vẫn có khả năng kế hoạch niêm yết này sẽ bị trì hoãn, do kế hoạch ban đầu là từ năm 2021.

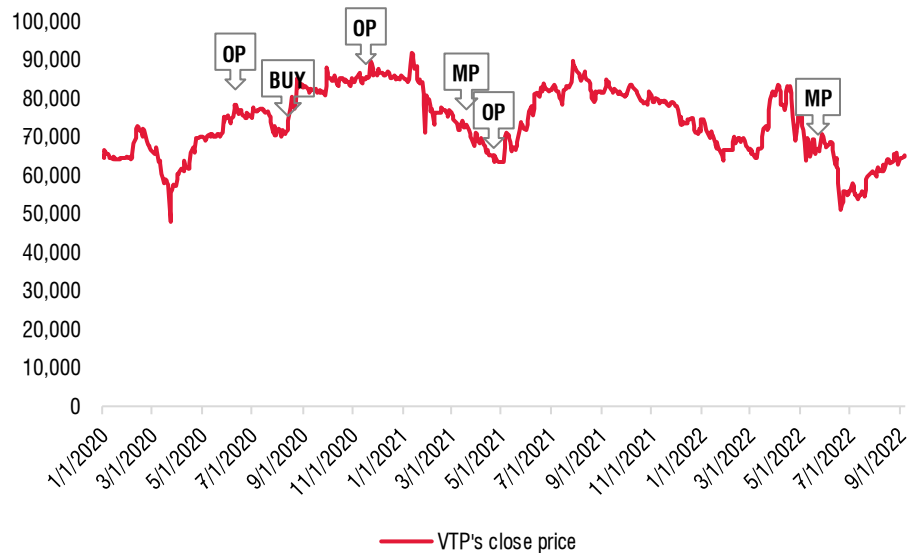
Luận điểm đầu tư

Triển vọng lợi nhuận của VTP khả quan hơn mặc dù giá cổ phiếu giảm. Thời điểm hiện tại có thể là cơ hội tốt để sở hữu cổ phiếu.

Cổ phiếu VTP đang giao dịch với tỷ lệ P/E năm 2022 và năm 2023 lần lượt là 16x và 13x, chiết khấu rất nhiều so với hệ số P/E của các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực là 24x. Do P/E thị trường của VN-Index giảm so với thời điểm khuyến nghị trước của chúng tôi, nên chúng tôi áp dụng mức P/E mục tiêu thấp hơn là 18x (so với mức 20x trước đó) cho cổ phiếu VTP, từ đó xác định giá mục tiêu 1 năm là **85.500 đồng/cổ phiếu** (tăng 14 % so với giá mục tiêu trước đó của chúng tôi), tương ứng với tiềm năng tăng giá là 35%. Chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu VTP từ TRUNG LẬP lên MUA.

Rủi ro đối với khuyến nghị của chúng tôi: Cạnh tranh vẫn gay gắt như dự đoán, hoặc mức độ cải tiến dịch vụ không đủ để lấy lại thị phần.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	317	337	118	-114
+ Đầu tư ngắn hạn	1572	1902	1.902	1.902
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.302	2.189	2.522	2.889
+ Hàng tồn kho	606	384	439	500
+ Tài sản ngắn hạn khác	119	143	163	186
Tổng tài sản ngắn hạn	3.916	4.955	5.145	5.364
+ Các khoản phải thu dài hạn	5	5	5	6
+ GTCL Tài sản cố định	314	320	960	1.751
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	62	9	9	9
+ Đầu tư dài hạn	0	34	34	34
+ Tài sản dài hạn khác	68	111	127	145
Tổng tài sản dài hạn	450	479	1.136	1.945
Tổng tài sản	4.367	5.434	6.280	7.309
+ Nợ ngắn hạn	3.151	4.108	4.700	5.353
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>1.088</i>	<i>1.166</i>	<i>1.334</i>	<i>1.520</i>
+ Nợ dài hạn	7	1	1	1
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>7</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tổng nợ phải trả	3.158	4.109	4.700	5.354
+ Vốn góp	830	1.036	1.036	1.036
+ Thặng dư vốn cổ phần	22	22	22	22
+ Lợi nhuận chưa phân phối	350	266	521	895
+ Quý khác	6	2	2	2
Vốn chủ sở hữu	1.209	1.326	1.580	1.954
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	4.367	5.434	6.280	7.309
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-69	431	568	838
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-154	-359	-800	-1100
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	192	-52	13	30
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-30	20	-219	-232
Tiền đầu kỳ	347	317	337	118
Tiền cuối kỳ	317	337	118	-114
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,24	1,21	1,09	1
Hệ số thanh toán nhanh	1,01	1,08	0,97	0,87
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,6	0,55	0,43	0,33
Nợ ròng / EBITDA	1,02	1,59	1,27	1,23
Khả năng thanh toán lãi vay	9,89	8,78	12,15	11,14
Ngày phải thu	17,1	19,1	22,6	22,6
Ngày phải trả	6,6	7,2	7,2	7,2
Ngày tồn kho	7,2	8,7	6,3	6,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,28	0,24	0,25	0,27
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,72	0,76	0,75	0,73
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2,61	3,1	2,98	2,74
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,91	0,88	0,84	0,78
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,9	0,88	0,84	0,78

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	17.234	21.452	24.707	28.308
Giá vốn hàng bán	-16.536	-20.852	-23.855	-27.173
Lợi nhuận gộp	699	600	852	1.135
Doanh thu hoạt động tài chính	99	94	112	121
Chi phí tài chính	-54	-48	-53	-76
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-22	-39	-69	-90
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-248	-242	-246	-320
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	474	365	595	770
Thu nhập khác	6	6	0	0
Lợi nhuận trước thuế	480	371	595	770
Lợi nhuận ròng	383	296	476	616
Lợi nhuận chia cho cổ đông	383	296	476	616
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	4060	2462	3.955	5.117
Giá trị sổ sách (VND)	14.553	12.800	15.255	18.873
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1500	1500	1500	1500
EBIT	534	418	649	846
EBITDA	608	507	809	1.156
Tăng trưởng				
Doanh thu	120,60%	24,50%	15,20%	14,60%
EBITDA	4,30%	-16,60%	59,60%	42,90%
EBIT	1,50%	-21,70%	55,10%	30,40%
Lợi nhuận ròng	0,80%	-22,80%	61,00%	29,40%
Vốn chủ sở hữu	24,90%	9,70%	19,20%	23,70%
Vốn điều lệ	39,30%	24,70%	0,00%	0,00%
Tổng tài sản	28,70%	24,40%	15,60%	16,40%
Định giá				
PE	26,7	29,1	16,4	12,7
PB	7,5	5,6	4,3	3,4
Giá/Doanh thu	0,4	0,3	0,3	0,2
Tỷ suất cổ tức	1,40%	2,10%	2,30%	2,30%
EV/EBITDA	13,5	12,50	7,2	5
EV/Doanh thu	0,5	0,3	0,2	0,2
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4,10%	2,80%	3,40%	4,00%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	2,50%	1,50%	2,20%	2,60%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	2,20%	1,40%	1,90%	2,20%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,10%	0,20%	0,30%	0,30%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,40%	1,10%	1,00%	1,10%
ROE	35,20%	23,40%	32,80%	34,90%
ROA	9,90%	6,00%	8,10%	9,10%
ROIC	20,90%	13,90%	19,20%	21,20%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Phó Giám đốc

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhthv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Logistics

Nguyễn Hoàng Giang, CFA

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8703

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích cao cấp

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715